

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ GIÁO
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2023/DS-ST

Ngày 22/9/2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Kim Niệm;

Bà Võ Thị Thu Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 142/2020/TLST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và thụ lý khởi kiện bổ sung: 142A/2023/TLST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2023/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim A, sinh năm 1943. Địa chỉ: Số nhà H, ấp T, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Phạm Thị Hoài T, sinh năm 1994. Địa chỉ: Tổ B, khu phố G, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 24 tháng 8 năm 2020 tại UBND thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương; số chứng thực: 564, quyền số 01/2020 -SCT/HĐ, GD). Có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1982. Địa chỉ: Số nhà G, ấp T, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị Kim A là bà Phạm Thị Hoài T trình bày:

Do bà Trần Thị Kim A và bà Nguyễn Thị T1 có mối quan hệ quen biết. Vào ngày 13/4/2017, bà Nguyễn Thị T1 có làm giấy tay vay của bà Trần Thị Kim A số tiền là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng). Đến nay đã lâu, bà A đến gặp bà T1 nhiều lần, yêu cầu bà T1 thanh toán cho bà A số tiền trên nhưng bà T1 né tránh. Vì vậy, bà

Trần Thị Kim A khởi kiện đòi tài sản yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị T1 phải trả số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi.

Ngày 01/3/2023, Tòa án thụ lý đơn yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn bà Trần Thị Kim A, yêu cầu Tòa án buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T1 thanh toán số tiền lãi phát sinh là 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm ngàn đồng).

Ngày 31/3/2023, nguyên đơn có đơn rút yêu cầu khởi kiện bổ sung về việc yêu cầu Tòa án buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T1 thanh toán số tiền lãi phát sinh là 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm ngàn đồng).

Trong bản tự khai đề ngày 12 tháng 7 năm 2023 của bị đơn bà Nguyễn Thị T1 trình bày: Đây là tiền hui, tiền góp nhưng bà có trả dần trong khoảng thời gian từ đó cho đến nay, bà chỉ còn nợ của bà Trần Thị Kim A số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Kim A, buộc bà phải trả số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng), bà không đồng ý, vì bà còn nợ bà A số tiền là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Ngoài ra, bà không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T1 được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc, tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục và thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Trần Thị Kim A và bị đơn bà Nguyễn Thị T1 có tranh chấp kiện đòi tài sản, nhưng đến nay bà Nguyễn Thị T1 vẫn chưa trả cho bà Trần Thị Kim A. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Kim A là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T1 phải trả cho nguyên đơn bà Trần Thị Kim A số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) và ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà A không yêu cầu tính lãi đối với bị đơn bà T1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn đối với bị đơn về việc yêu cầu Tòa án buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T1 thanh toán số tiền lãi phát sinh là 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm ngàn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thời hiệu khởi kiện, quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

[1.1] Về thời hiệu khởi kiện: Bị đơn bà Nguyễn Thị T1 vắng mặt, không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các đương sự không yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, hiện bị đơn bà Nguyễn Thị T1 thường trú tại xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương và nguyên đơn bà Trần Thị Kim A có đơn khởi kiện tại Tòa án

nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Trần Thị Kim A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Nguyễn Thị T1, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên hòa giải; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà cho bị đơn bà Nguyễn Thị T1, nhưng bà T1 vắng mặt trong các buổi hoà giải và phiên toà sơ thẩm. Do vậy, Tòa án căn cứ vào các Điều 5, 6, 91, 92, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án: Bà Trần Thị Kim A cho bà Nguyễn Thị T1 vay theo Giấy mượn tiền đề ngày 13/4/2017 với số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng). Đến nay đã lâu, bà Nguyễn Thị T1 vẫn chưa trả cho bà A. Nên nguyên đơn bà A khởi kiện yêu cầu bị đơn bà T1 phải có trách nhiệm thanh toán số tiền là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi. Bị đơn trình bày số tiền trên là tiền hui, tiền góp. Bị đơn đã trả cho nguyên đơn được nhiều lần, hiện chỉ còn nợ lại nguyên đơn số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) nên bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng vay tài sản giữa bà Trần Thị Kim A và bà Nguyễn Thị T1 là hợp đồng vay không có kỳ hạn, không có lãi suất. Bà A đã nhiều lần yêu cầu bà T1 thanh toán nhưng bà T1 không trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Điều 466 Bộ luật Dân sự. Bà Nguyễn Thị T1 có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hiểu rõ nội dung mà các bên thoả thuận và tự viết, ký tên Giấy mượn tiền đề ngày 13/4/2017. Do đó, bà Nguyễn Thị T1 phải chịu trách nhiệm về thoả thuận của mình. Bà T1 trình bày đã trả dần cho nguyên đơn, hiện chỉ còn nợ lại nguyên đơn số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh và nguyên đơn không thừa nhận nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận. Tòa án đã triệu tập bị đơn bà Nguyễn Thị T1 nhiều lần nhưng bà T1 cố tình vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Bà Nguyễn Thị T1 không thực hiện nghĩa vụ trả số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) còn nợ bà A, nhằm trốn tránh nghĩa vụ, gây thiệt hại cho quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên cần buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T1 phải hoàn trả cho nguyên đơn bà Trần Thị Kim A số tiền nợ là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng). Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Kim A đối với bị đơn bà Nguyễn Thị T1.

[5] Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn bà Trần Thị Kim A yêu cầu Tòa án buộc: Bị đơn bà Nguyễn Thị T1 có trách nhiệm thanh toán số tiền lãi tạm tính từ ngày 19/8/2020 đến ngày 19/12/2022 là 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng). Ngày 31/3/2023, nguyên đơn bà A có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện bổ sung. Việc rút yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn, nguyên đơn được quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định của pháp luật.

[6] Về lãi suất: Nguyên đơn bà Trần Thị Kim A không yêu cầu tính lãi đối với bị đơn bà Nguyễn Thị T1 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo tham gia phiên tòa là có căn cứ và phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm cho yêu cầu khởi kiện được chấp nhận của nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 5, Điều 6, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, các Điều 147, 184, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219, các Điều 227, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 149, 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn bà Trần Thị Kim A đối với bị đơn bà Nguyễn Thị T1 về việc yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị T1 thanh toán số tiền lãi tạm tính từ ngày 19/8/2020 đến ngày 19/12/2022 là 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng). Nguyên đơn bà Trần Thị Kim A được quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định của pháp luật.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Kim A đối với bị đơn bà Nguyễn Thị T1 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

3. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T1 phải có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn bà Trần Thị Kim A số tiền là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

4. Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, bà Trần Thị Kim A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị T1 chậm trả số tiền nợ nêu trên thì bà Nguyễn Thị T1 còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

5.1. Bà Nguyễn Thị T1 phải nộp số tiền 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5.2. Hoàn trả cho nguyên đơn bà Trần Thị Kim A số tiền 375.000 đồng (ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí do bà Trần Thị Kim A đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0043533 ngày 29 tháng 9 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thanh Ân